

Số: /2023/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân
thuộc chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn
tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;*

*Thực hiện Quyết định số 590/QĐ- TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai,
đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn
2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh
về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá
nhân thuộc chương trình bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai
đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân thuộc
Chương trình bố trí, ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước tại
các vùng: Thiên tai (sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng);
đặc biệt khó khăn (thiếu đất, thiếu nước sản xuất, nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ
tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường; các làng chài trên sông nước, đầm phá);
biên giới, hải đảo (gồm cả Khu kinh tế - quốc phòng); vùng dân di cư tự do đến
đời sống quá khó khăn và khu rừng đặc dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025 theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

b) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; di cư trên đầm phá, các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.

c) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng, hải đảo.

d) Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong cả nước không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; hộ gia đình, cá nhân sinh sống hợp pháp trong khu rừng đặc dụng cần phải bố trí, ổn định lâu dài.

2. Các hộ gia đình thuộc đối tượng của Chương trình bố trí, ổn định dân cư đã di chuyển đến làm nhà ở nơi ở mới trong năm 2022 nhưng chưa nhận hỗ trợ.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Địa bàn áp dụng

Các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (trừ địa bàn thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025).

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Bố trí dân cư phải phù hợp các quy hoạch các cấp theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng và các quy hoạch có liên quan. Ưu tiên bố trí ổn định dân cư để phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

2. Bố trí ổn định dân cư là mục tiêu nhưng đồng thời cũng là giải pháp để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với quốc phòng an ninh; bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, an ninh quốc phòng, môi trường sinh thái, tài nguyên nước. Tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều ước Quốc tế về biên giới quốc gia. Bố trí ổn định dân cư phải tập trung, có trọng điểm, đảm bảo kết cấu hạ tầng thiết yếu và phát triển sản xuất để người dân đến nơi ở mới có điều kiện sống ổn định lâu dài; hướng tới hình thành các điểm dân cư đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; phù hợp với phong tục, tập quán văn hóa của từng dân tộc.

3. Bố trí ổn định dân cư là trách nhiệm của các ngành, các cấp chính quyền địa phương. Hộ gia đình, cá nhân bố trí ổn định theo quy hoạch, kế hoạch được Nhà nước hỗ trợ về di chuyển (nếu có) và các điều kiện để ổn định đời sống, phát triển bền vững cộng đồng dân cư. Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các nội dung thuộc Chương trình theo quy định và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác trên địa bàn để thực hiện Chương trình.

4. Việc bố trí ổn định dân cư chủ yếu trên địa bàn trong xã, huyện, tỉnh. Ưu tiên thực hiện bố trí dân cư xen ghép là chủ yếu, kết hợp với di dân tập trung và ổn định tại chỗ.

5. Đối với nội dung hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, người dân là chủ thể thực hiện, nhà nước hỗ trợ theo định mức. Trong cùng thời điểm mà có nhiều chính sách hỗ trợ cùng một nội dung thì hộ hưởng lợi được chọn chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ

1. Các hộ thuộc đối tượng của Chương trình chỉ được hỗ trợ khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Hộ gia đình có nhà ở riêng tại vị trí cần phải di dời đến nơi ở mới theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nhà làm mới đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 30m² (đối với những hộ đơn thân, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18m²); đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng), các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh); đáp ứng yêu cầu công năng, an toàn trong sử dụng; đảm bảo mỹ quan và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương.

2. Trường hợp không được hỗ trợ: Hộ gia đình có nhiều nhà ở (hai nhà trở lên trong địa bàn tỉnh Quảng Trị) mà có ít nhất một nhà không nằm tại khu vực cần phải di dời (trừ huyện Đảo Cồn Cỏ).

Điều 6. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình, bao gồm: Di chuyển người và tài sản, nhà ở, lương thực, nước sinh hoạt.

a) Vùng miền núi: 70 triệu đồng/hộ, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh 50 triệu đồng, ngân sách huyện 20 triệu đồng.

b) Vùng đồng bằng: 60 triệu đồng/hộ, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh 40 triệu đồng, ngân sách huyện 20 triệu đồng.

2. Hỗ trợ ổn định dân cư tại chỗ: Hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống ở vùng có nguy cơ thiên tai nhưng không còn quỹ đất để di chuyển đến chỗ khác, phải bố trí ổn định tại chỗ được hỗ trợ để nâng cấp, sửa chữa nhà ở. Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ.

3. Di dân ra Đảo Cồn Cỏ

Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ trực tiếp cho các hộ di dân ra Đảo Cồn Cỏ gồm:

a) Hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian đầu: Hỗ trợ bằng tiền 18 tháng lương thực tính từ ngày ra đảo, mức hỗ trợ tương đương 30 kg gạo/01 nhân khẩu/tháng.

b) Di chuyển người và tài sản ra đảo: Nhà nước thuê phương tiện để tổ chức di chuyển tập trung; Trong đó tiền thuê phương tiện di chuyển ra đảo theo giá thuê phương tiện thực tế (trường hợp tổ chức di dân tập trung) hoặc tiền xăng dầu thực tế (trường hợp hộ dân tự túc) nhưng không vượt quá mức 10 triệu đồng/hộ.

4. Ngoài mức hỗ trợ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, căn cứ tình hình thực tế, các huyện, thành phố, thị xã có thể hỗ trợ thêm cho hộ dân từ các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 7. Kinh phí quản lý

Kinh phí quản lý Chương trình để thực hiện các nội dung: Tuyên truyền, vận động; khảo sát, kiểm tra, nghiệm thu công tác bố trí ổn định dân cư; văn phòng phẩm. Mức hỗ trợ:

1. Vùng Đồng bằng:	600.000 đồng/hộ
2. Vùng Miền núi:	800.000 đồng/hộ
3. Huyện Đảo Cồn Cỏ:	1.600.000 đồng/hộ

Trong đó, ngân sách cấp tỉnh: 50%, ngân sách huyện: 50%. Kinh phí cấp nào do cấp đó đảm bảo theo Luật ngân sách nhà nước.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện), nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

Tổng kinh phí hỗ trợ trực tiếp thực hiện giai đoạn 2022- 2025: Bố trí **14.922 triệu đồng**, trong đó:

1. Ngân sách cấp tỉnh: 10.629 triệu đồng;
2. Ngân sách huyện: 4.293 triệu đồng.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

Nơi nhận:

- VPQH, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ KHĐT, TC, NN&PTNT, LĐTĐ; Ủy ban dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TVTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, VP Đoàn ĐBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang